

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HC-PT
Ngày 27-8-2026
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2026/TLPT-HC ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2026/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4921/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13024/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đoàn Phúc T, sinh năm 1971; địa chỉ: số C khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Hồ Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: số I khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 05/10/2025); vắng mặt.

- Ông Trương Nhật Q, sinh năm 1975; địa chỉ: 11.5 lô B đường A, khu phố D, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 05/10/2025); có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Thành phố H; địa chỉ: số H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn B, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 31/12/2025); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn P – Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường T; có mặt.

Ông Nguyễn Văn Hoài V - công chức Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường T; vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; địa chỉ: số H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn B, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 31/12/2025); vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đàm Văn N, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (văn bản ngày 16/01/2026); vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1978; địa chỉ: số C khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Đoàn Phúc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm

** Theo đơn khởi kiện, các văn bản trình bày ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Trương Nhật Q trình bày:*

Ông Đoàn Phúc T là người sử dụng thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là ấp B, xã B, sau đó là phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 125559, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01319/BC do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17/11/2010.

Nguồn gốc thửa đất là do cuối năm 2010 ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đỗ Quốc N1. Trước đó, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 078468 cấp cho ông Đỗ Quốc N1 có nội dung đăng ký biến động

ngày 11/9/2009 thể hiện căn cứ Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Phương án bồi thường số 163/PABT ngày 07/5/2009, một phần diện tích đất đã bị giải tỏa để thực hiện công trình đường M - T, diện tích còn lại là 2.688,2m² đất cây lâu năm.

Người khởi kiện cho rằng khi ông T nhận chuyển nhượng, thửa đất số 1110 đã tiếp giáp với phần giải tỏa để làm đường M - T Trên sơ đồ thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 125559 cấp cho ông T thể hiện thửa đất tiếp giáp “mép giải tỏa đường M - T”. Ngoài ra, ngày 11/12/2010, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận tại Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất của ông T với nội dung thửa đất nằm tiếp giáp đường M - T Bản trích lục địa chính ngày 07/12/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T cũng thể hiện thông tin chuyển thuê đổi với 300m² đất chuyển mục đích sang đất ở tại vị trí 1; ông T đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo vị trí 1.

Khi thực hiện Dự án thành phần 6: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Bình Dương, đoạn qua địa bàn thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi của ông T 901,6m² đất, gồm 95,6m² đất ở đô thị và 806m² đất cây lâu năm. Tuy nhiên, cơ quan bồi thường xác định vị trí đất là vị trí 2 đường M - T để áp giá bồi thường. Người khởi kiện cho rằng việc xác định vị trí 2 là không đúng vì thửa đất của ông T tiếp giáp đường M - T; việc phân đất giải tỏa trước đây chưa được sử dụng hoặc chưa được xây dựng hoàn chỉnh không phải lỗi của ông T, không thể làm giảm quyền lợi bồi thường của người sử dụng đất.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

Hủy Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai;

Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B bồi thường cho ông T theo đơn giá đất vị trí 1 đường M - T, gồm: 95,6m² đất ở đô thị x 26.498.000 đồng/m² = 2.533.208.800 đồng; 806m² đất cây lâu năm x 14.044.000 đồng/m² = 11.319.464.000 đồng; cây trồng trên đất 548.000 đồng; tổng cộng 13.853.220.800 đồng.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là ông Trần Văn B trình bày:*

Năm 2022, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường V - Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn thành phố T, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đoàn Phúc T. Ngày 14/12/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lập Biên bản đo đạc, kiểm đếm số 36/BBĐĐKD. Ngày 26/7/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lập Sơ đồ phân định vị trí thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 7, xác định thửa đất của ông T thuộc vị trí 2 đường M - T

Ngày 29/8/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lập Bảng áp giá số 07/BAG-BC5 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 6.352.728.000 đồng, gồm đất ở đô thị vị trí 2: $95,6\text{m}^2 \times 12.150.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.161.540.000 \text{ đồng}$; đất cây lâu năm vị trí 2: $806\text{m}^2 \times 6.440.000 \text{ đồng/m}^2 = 5.190.640.000 \text{ đồng}$; cây trồng trên đất 548.000 đồng. Ngày 28/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5011/QĐ-UBND về việc thu hồi 901,6m² đất của ông T để thực hiện dự án. Ông T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng theo Phiếu chi số 7 ngày 06/9/2024 nhưng không đồng ý với việc áp giá bồi thường theo vị trí 2 nên khiếu nại.

Ngày 20/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3512/QĐ-UBND, bác nội dung khiếu nại của ông T về yêu cầu áp giá bồi thường đất theo vị trí 1 đường M - T Lý do: thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 7 không tiếp giáp trực tiếp với đường M - T mà cách hành lang an toàn đường bộ đường M – Tân Vạn 23,6m, chỉ tiếp giáp phạm vi mở rộng vòng xoay, nên việc lập hồ sơ bồi thường theo vị trí 2 là phù hợp Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 14/10/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2945/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3512/QĐ-UBND. Quyết định này cũng xác định việc phân định vị trí thửa đất số 1110 theo vị trí 1 để lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất năm 2010 là chưa phù hợp theo Điều 2 Quyết định số 86/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Do đó, người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là ông Đàm Văn N trình bày:*

Thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 7 do ông Đoàn Phúc T quản lý, sử dụng không tiếp giáp trực tiếp với trục đường M - T Qua kiểm tra bản đồ địa chính, đối chiếu thực địa, thửa đất nằm cách hành lang an toàn đường bộ đường M – Tân Vạn 23,6m; phần đất thửa đất tiếp giáp là phạm vi đất đã giải tỏa, chưa sử dụng, thuộc phạm vi mở rộng vòng xoay của dự án. Vì vậy, căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/5/2023, việc xác định thửa đất thuộc vị trí 2 đường M - T để lập phương án bồi thường là chính xác, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm thu hồi.

Việc ông T viện dẫn hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất năm 2010 để cho rằng thửa đất thuộc vị trí 1 là không có cơ sở. Việc xác định vị trí tính nghĩa vụ tài chính tại thời điểm năm 2010 không thể là căn cứ pháp lý bắt buộc để áp dụng cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại thời điểm năm 2023, vì việc bồi thường phải căn cứ vào hiện trạng tiếp giáp thực tế và đơn giá đất cụ thể được phê duyệt riêng cho dự án. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Phúc T, giữ nguyên Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 và Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 14/10/2024.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L trình bày:* Bà L là vợ của ông Đoàn Phúc T. Bà thống nhất và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T; không có yêu cầu độc lập và không có ý kiến gì khác.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2026/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Phúc T về việc:

+ Hủy Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Phúc T (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Phúc T.

+ Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án thành phần 6 thuộc Dự án đường V Thành phố Hồ Chí Minh, bồi thường cho ông Đoàn Phúc T theo đơn giá đất vị trí 1 đường M - T, gồm:

Đất ở tại đô thị (ODT): $95,6\text{m}^2 \times 26.498.000 \text{ đồng/m}^2 = 2.533.208.800$ đồng;

Đất trồng cây lâu năm (CLN): $806\text{m}^2 \times 14.044.000 \text{ đồng/m}^2 = 11.319.464.000$ đồng;

Cây trồng trên đất: 548.000 đồng;

Tổng cộng: 13.853.220.800 đồng (mười ba tỷ tám trăm năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/6/2026 người khởi kiện ông Đoàn Phúc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan, ở đây chính là Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND thành phố T về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Bình Dương thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường V thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua thành phố T.

Trong vụ án này, ông Đoàn Phúc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3512/QĐ-UBND (lần đầu) và Quyết định số 2945/QĐ-UBND (lần hai). Bản chất của việc khiếu nại và khởi kiện là ông T không đồng ý với việc áp giá bồi thường theo Vị trí 2 và diện tích trong bản vẽ giải tỏa sai so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông vì cái gốc làm phát sinh việc áp giá bồi thường này chính là Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND thành phố T về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường V. Các quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện thực chất chỉ là văn bản phát sinh, giải quyết hệ quả từ Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đoàn Phúc T, hủy Bản án sơ thẩm số 11/2026/HC-ST ngày 29/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đoàn Phúc T thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.3] Về thẩm quyền, thời hiệu: Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xác định thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.4] Về đối tượng khởi kiện:

[1.4.1] Ngày 28/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5011/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do ông Đoàn Phúc T quản lý sử dụng để thực hiện dự án, diện tích đất bị thu hồi là 901,6m² (trong đó 95,6m² đất ODT, 806m² đất CLN);

Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện cung cấp bổ sung tài liệu là Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 về việc phê duyệt dự toán và phương án bồi

thường, hỗ trợ (đợt 8) Dự án thành phần 6: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Bình Dương + Kèm theo Bảng tổng hợp dự toán bồi thường, hỗ trợ (Đợt 8) trong đó ông Đoàn Phúc T có số thứ tự số 7, được bồi thường số tiền 6.352.728.000 đồng.

[1.4.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày, ông T thống nhất với chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án, đồng ý với diện tích đất bị thu hồi là 901,6m². Tuy nhiên, UBND xác định diện tích đất ông T quản lý, sử dụng thuộc vị trí 2 và bồi thường đất theo đơn giá vị trí 2 là không phù hợp, ông T không đồng ý đã khiếu nại. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện chưa được tiếp cận chứng cứ là Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 và người khởi kiện chưa nhận được quyết định này, nên không thực hiện khởi kiện đối với Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

[1.4.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện, vì vậy Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 cũng là đối tượng bị khởi kiện trong vụ án. Quá trình tố tụng, người bị kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023.

[2] Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND thành phố T. Căn cứ Điều 220 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T được chấp nhận, ông T không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220; khoản 3 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đoàn Phúc T.

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2026/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Đoàn Phúc T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

Hoàn trả cho ông Đoàn Phúc T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0037516 ngày 12/6/2026 của Thị hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16;
- TAND Khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa HC, 12b (70).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền